

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11.01.2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ngô Văn Sỹ** và ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐ-DSST ngày 25.12.2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1979. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Ngô Duy H - Sinh năm 1977. (vắng mặt lần 2 không lý do).

Cùng trú tại: Tổ 53 mới (45A cũ), phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và ông Ngô Duy H sống chung với nhau từ năm 2000 nhưng đến năm 2009 mới có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại L, đến năm 2014 mới về sống cùng với gia đình chồng tại tổ 53, phường H, quận L, Tp Đà Nẵng.

Trong 09 năm chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông Ngô Duy H thường xuyên cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác rồi về xúc phạm tôi, đỉnh điểm vào năm 2014 ông H đã đánh đập rồi đổ nước sôi lên lưng tôi, hậu quả là tôi phải chữa trị trong thời gian dài. Mặc dù bị ông H đối xử không tốt như vậy nhưng vì con cái nên tôi đã luôn bỏ qua tha thứ, khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không có sự thay đổi. Bản thân tôi đã quá thất vọng, mệt mỏi, không đủ sức để hàn gắn những đổ vỡ trong suốt thời gian chung sống vừa qua. Tôi thấy có tiếp tục chung sống với nhau, có cố gắng đến mấy thì mục đích hôn nhân của chúng tôi cũng không đạt được và điều quan trọng nhất là tôi không muốn thấy các con tôi bị ảnh hưởng. Nay xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn nữa nên nguyện vọng về quan hệ hôn nhân tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Ngô Duy H.

- **Về quan hệ con chung:** Tôi và ông Ngô Duy H có 02 con chung là:

+ Ngô Quỳnh T - sinh ngày 01.7.2001.

+ Ngô Duy K - sinh ngày 05.10.2009.

Ly hôn tôi xin nuôi hai con chung Ngô Quỳnh T, Ngô Duy K và yêu cầu ông Ngô Duy H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/2 cháu (1.500.000 đồng/1 cháu).

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị T khai nhận không có.

* Bị đơn là ông Ngô Duy H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21.11.2017, không tham gia phiên hòa giải vào ngày 06.12.2017 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Duy H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 25.12.2017 và cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là ông Ngô Duy H, nhưng ông Ngô Duy H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Ngô Duy H.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Ngô Duy H thì thấy:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Duy H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, bà T và ông H chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Theo bà Nguyễn Thị T trình bày thì trong 09 năm chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông

Ngô Duy H thường xuyên cờ bạc không quan tâm chăm sóc con cái và gia đình, lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi về xúc phạm nhân phẩm danh dự của bà T, đỉnh điểm vào năm 2014 ông H đã đánh đập rồi đổ nước sôi lên lưng bà T, hậu quả là bà T phải chữa trị trong thời gian dài. Mặc dù bị ông H đối xử không tốt như vậy nhưng vì con cái nên bà T đã luôn bỏ qua tha thứ, khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không có sự thay đổi. Bản thân bà T đã quá thất vọng, mệt mỏi, không đủ sức để hàn gắn những đổ vỡ trong suốt thời gian chung sống vừa qua. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên nguyện vọng về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Ngô Duy H.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn là ông Ngô Duy H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Theo đơn xác nhận tại UBND phường H, quận L, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã đánh nhau, có hành vi gây mất trật tự tại địa phương cũng liên quan đến quan hệ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Nguyễn Thị T khai nhận có 02 con chung là:

+ Ngô Quỳnh T - sinh ngày 01.7.2001.

+ Ngô Duy K - sinh ngày 05.10.2009.

Bà Nguyễn Thị T đề nghị, ly hôn bà xin nuôi hai con chung và yêu cầu ông Ngô Duy H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/2 cháu/01 tháng (1.500.000 đồng/1 cháu/ 01 tháng).

HĐXX xét thấy, theo tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị T cung cấp thì mức lương hiện nay của bà Nguyễn Thị T là 7.670.000 đồng (*bảy triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng/01 tháng*). Đối với cháu Ngô Quỳnh T là con gái, rất cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ trong quá trình phát triển tâm sinh lý khi trưởng thành. Hơn nữa cháu Quỳnh T và Duy K có đơn trình bày thể hiện có nguyện vọng ở với mẹ, mặc khác ông Ngô Duy H cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao cháu Quỳnh T và Duy K cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Ngô Duy H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung. Việc nuôi con là trách nhiệm của cả hai vợ chồng do vậy cần buộc ông Ngô Duy H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về Tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị T khai nhận không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Duy H cũng không có ý kiến gì đối với tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Duy H có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Ngô Duy H.

Tuyên xử: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, được ly hôn với ông Ngô Duy H, sinh năm 1977.

Giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyền số 01 ngày 14.02.2009 của UBND UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Tuyên:

- Giao con hai chung Ngô Quỳnh T - sinh ngày 01.7.2001 và Ngô Duy K - sinh ngày 05.10.2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- Buộc ông Ngô Duy H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con chung (*ba triệu đồng*)(1.500.000 đồng/01 con).

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000615 ngày 18.10.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Ngô Duy H phải nộp 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy